

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 3 - 2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Ông Quàng Văn Thủy;

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Viên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hữu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/3/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Đinh Xuân H; Nơi cư trú: Bản P, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; Vắng mặt có lý do, xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Chị La Thị P; Nơi cư trú: Bản P, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2024 và bản tự khai, nguyên đơn là anh Đinh Xuân H trình bày: Anh và chị La Thị P tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Sơn La vào ngày 26 tháng 6 năm 2020, hôn nhân do hai bên tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh Đinh Xuân H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị La Thị P.

Về con chung: Anh Đinh Xuân H và chị La Thị P có hai con chung là cháu Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2021 và cháu Đinh An N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022. Nguyên vọng của anh H là được trực tiếp nuôi cháu Đinh

Thị Thùy L, giao cháu Đinh An N cho chị La Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Đinh Xuân H và chị La Thị P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/01/2024 chị La Thị P trình bày: Chị và anh Đinh Xuân H tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Sơn La vào ngày 26 tháng 6 năm 2020, hôn nhân do hai bên tự nguyện hôn nhân do hai bên tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do từ khi chị P sinh con thứ 2 anh H đi làm xa nhà, không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con, vợ chồng xảy ra xung đột cãi nhau. Chị La Thị P nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Phòng không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị La Thị P và anh Đinh Xuân H có hai con chung là cháu Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2021 và cháu Đinh An N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022. Trường hợp ly hôn, nguyện vọng của chị Phòng là được trực tiếp nuôi cả hai con. Chị P yêu cầu anh Đinh Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Không vay nợ của ai.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/02/2024 các đương sự thống nhất về yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tại phiên hòa giải ngày 06/02/2024, các đương sự cũng thống nhất được với nhau về việc phân chia chia trách nhiệm nuôi con chung giao cháu Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2021 và cháu Đinh An N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022 cho chị La Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Anh Đinh Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đinh Thị Thùy L mỗi tháng là 3.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung, vay nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, về tình cảm vợ chồng anh Đinh Xuân H và chị La Thị P không thống nhất được với nhau về việc ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2024, UBND xã S xác định: Anh Đinh Xuân H và chị La Thị P đăng ký kết hôn tại UBND xã S ngày 26/6/2020 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, do hoàn cảnh và tính chất công việc nên anh H và chị P không thường xuyên ở nhà, nhưng đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau, khi tìm hiểu thì được biết do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên quyết định ly hôn. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể sống chung với nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì cũng được họ hàng hai bên hòa giải động viên quay lại chung sống với nhau nhưng không thành. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn cho anh Đinh Xuân H và chị La Thị P.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ các đương sự tham gia phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt 02 lần nhưng không có lý do chính đáng, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, đã được tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án; tuy nhiên nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt 02 lần nhưng không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân H, yêu cầu ly hôn với chị La Thị P; công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn tại phiên hòa giải ngày 06/02/2024 về con chung giao cháu Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2021 và cháu Đinh An N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022 cho chị La Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Anh Đinh Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đinh Thị Thùy L mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung, vay nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; miễn án phí cho nguyên đơn anh Đinh Xuân H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu, đề nghị của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” do nguyên đơn anh Đinh Xuân H khởi kiện đối với bị đơn chị La Thị P có nơi cư trú bản P, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Xuân H và bị đơn chị La Thị P đã được thông báo, triệu tập phiên tòa họp lệ nhưng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng có lý do, bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh Đinh Xuân H và bị đơn chị La Thị P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân H và chị La Thị P tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Sơn La vào ngày 26 tháng 6 năm 2020, hôn nhân do hai bên tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của

mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh Đinh Xuân H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị La Thị P. Còn chị La Thị P thì cho rằng do từ khi chị P sinh con thứ 2 anh H đi làm xa nhà, không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con, vợ chồng xảy ra xung đột cãi nhau. Chị La Thị P nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Phòng không nhất trí ly hôn.

Nhận thấy, từ thời điểm năm 2022 đến nay anh H và chị P không còn chung sống với nhau, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà, một năm về một lần, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân; tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh H cũng xác định không còn tình cảm với chị P và xin được ly hôn với chị P. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đinh Xuân H.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh Hòa và chị Phòng có hai con chung là cháu Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2021 và cháu Đinh An N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại phiên hòa giải ngày 06/02/2024 anh Đinh Xuân H và chị La Thị P thỏa thuận thống nhất giao cháu Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2021 và cháu Đinh An N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022 cho chị La Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Anh Đinh Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đinh Thị Thùy L mỗi tháng là 3.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở. Do đó, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu Đinh Thị Thùy L và cháu Đinh An N, Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Anh Đinh Xuân H và chị La Thị P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[5] Về vay nợ chung: Anh Đinh Xuân H và chị La Thị P xác định không có nợ chung, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì anh Đinh Xuân H và chị La Thị P sinh sống tại: Bản P, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho nguyên đơn anh Đinh Xuân H.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đinh Xuân H được ly hôn với chị La Thị P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đinh Xuân H và chị La Thị P. Giao cháu Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2021 và cháu Đinh An N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022 cho chị La Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Anh Đinh Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đinh Thị Thùy L mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Đinh Xuân H. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Quàng Văn Thủy**